

Bản án số: 62/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 24/6/2026.

“V/v: Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Tình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hòa.

2. Bà Trần Thị Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Thủy.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân & gia đình thụ lý số 267/2025/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 12 năm 2025, về “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị Đ**, sinh năm 1978. CCCD: 070180004960. Nơi cư trú: **Thôn D - B, xã B, thành phố Đ** (Xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Hoàng D (V)**, sinh năm 1978. CCCD: 070078003948. Nơi cư trú: **Thôn D - B, xã B, thành phố Đ** (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Võ Thị Đ** trình bày:**

Bà và ông **Lê Hoàng D** tự nguyện tìm hiểu và tiến tới quan hệ hôn nhân từ năm 1997, nhưng do học vấn thấp và không hiểu pháp luật nên đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre**. Khoảng 01 năm trở lại đây bà và ông **D** xảy ra mâu thuẫn gia đình, nguyên nhân thường hay uống rượu, hay chửi bới và đánh đập bà. Khoảng tháng 9/2025 bà và ông **D** sống ly thân. Bà cùng con ruột đến địa bàn **huyện T, tỉnh Đồng Nai** sinh sống và làm việc. Trong

thời gian sống ly thân không hàn gắn được tình cảm và các bên đều có nguyện vọng chấm dứt hôn nhân nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà và ông D có 04 con chung là Lê Hoàng B, sinh ngày 06/10/1998; Lê Hoàng B1, sinh ngày 03/4/2001; Lê Thị Ngọc Q, sinh ngày 03/3/2002 và Lê Hoàng C, sinh ngày 01/3/2005. Hiện nay các con chung đã thành niên và không bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông D tự thương lượng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Lê Hoàng D quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không gửi ý kiến, không tham gia phiên tòa sơ thẩm.**

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Nai phát biểu ý kiến:
Về tố tụng Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng;
Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Các bên tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 76, quyền số 01 ngày 13/8/2007. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp, theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình năm 2000 và tại Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014.

Theo nguyên đơn trong thời gian sống chung có xảy ra mâu thuẫn gia đình. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng từ khoảng năm 2025 nên đã sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân các bên không có thiện chí hàn gắn tình cảm và đều có nguyện vọng chấm dứt hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án các bên không tham gia hòa giải và cương quyết chấm dứt hôn nhân. Phía bị đơn không hợp tác và không tham gia phiên tòa, tự từ bỏ quyền chứng minh và quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, có cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 là phù hợp.

Về con chung: Căn cứ tài liệu và lời trình bày các con chung thể hiện các bên có 04 con chung là Lê Hoàng B, sinh ngày 06/10/1998; Lê Hoàng B1, sinh ngày 03/4/2001; Lê Thị Ngọc Q, sinh ngày 03/3/2002 và Lê Hoàng C, sinh ngày 01/3/2005. Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng do con chung đã thành niên. Phía ông D không hợp tác và không tham

gia phiên tòa, tự từ bỏ quyền chứng minh và quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy các con chung của các đương sự đã thành niên và không bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên không xem xét giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a Khoản 5 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn; bà **Võ Thị Đ** được ly hôn với ông **Lê Hoàng D (V)**.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 76, quyển số 01/2007 ngày 13/8/2007 Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre)

2. Về án phí: Bà **Võ Thị Đ** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012291 ngày 24/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS – Vp (SL: 10).

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình